

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 394/KH-UBND

Tiền Giang, ngày 19 tháng 12 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Công văn số 1594/BTTTT-QLDN ngày 28/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc triển khai Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang như sau:

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Cụ thể hóa việc triển khai thực hiện hiệu quả, đúng mục tiêu Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Giúp cho các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; các tổ chức, doanh nghiệp căn cứ các mục tiêu tại Kế hoạch này để xây dựng các chỉ tiêu triển khai phát triển kinh tế số và xã hội số trong phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Phát triển kinh tế số

Mục tiêu cơ bản đến năm 2025:

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 15% GDP.
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%.

2. Phát triển xã hội số

Mục tiêu cơ bản đến năm 2025:

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%.
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%.

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%.
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng thông rộng cáp quang đạt 80%.
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%.
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%.
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số

a) Thể chế:

Xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu của phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh; chú trọng xây dựng các chính sách để nâng tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% các hoạt động trong mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức, ngành, lĩnh vực.

b) Triển khai Chiến lược phát triển hạ tầng số:

Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân. Đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng thông rộng đến tất cả các thôn, tổ dân phố, khu vực dân sinh; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng. Triển khai nền tảng địa chỉ số, bản đồ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số.

c) Nền tảng số:

Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thúc đẩy sử dụng nền tảng số quốc gia.

d) Dữ liệu số:

- Triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia.
- Triển khai kế hoạch phát triển dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm: nông nghiệp, y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, lao động, công nghiệp và thương mại, xây dựng, văn hóa, thể thao và du lịch. Bảo đảm dữ liệu được tạo lập tuân thủ theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng khả năng chia sẻ, khai thác, sử dụng một cách dễ dàng.

đ) An toàn thông tin mạng và an ninh mạng:

- Triển khai Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia.
- Đảm bảo yêu cầu an toàn thông tin mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số.
- Triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng.
- Triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp.
- Triển khai Đề án đẩy mạnh ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số.
- Triển khai Nghị định về định danh và xác thực điện tử sau khi được ban hành. Triển khai Hệ thống định danh và xác thực điện tử trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh làm nền tảng chuyển đổi số.
- Bảo đảm, xác thực thông tin trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, kết nối để phục vụ việc xác nhận mức độ bảo đảm, xác thực của danh tính số của người dân.

e) Nhân lực số:

- Triển khai nền tảng số kết nối các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp, đào tạo và đào tạo lại kỹ năng số cho người lao động, kết nối cung cầu thị trường lao động.
- Triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số trong giáo dục tiểu học và phổ thông. Chú trọng tập huấn, đào tạo giáo viên và trang bị đủ thiết bị, robotics, phần mềm. Khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số, STEM/STEAM, robotic để triển khai.
- Triển khai mạng lưới hệ thống thư viện điện tử, các nền tảng tài nguyên giáo dục mở.
- Triển khai nền tảng quản lý nội dung học tập quốc gia; Nền tảng quản lý học tập quốc gia.

g) Kỹ năng số, công dân số và văn hóa số:

- Triển khai Nền tảng học trực tuyến mở về kỹ năng số.
- Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyên trách chuyển đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho sinh viên, học sinh trong các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông.
- Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp, mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, phương tiện số

và được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số. Đẩy mạnh triển khai các chương trình hỗ trợ, phổ cập kết nối số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

- Tổ chức triển khai các chương trình phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ số mà trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số. Triển khai Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân, tạo kênh độc lập thu thập, tổng hợp ý kiến phản ánh, đánh giá của người dân liên quan đến mọi vấn đề đời sống kinh tế, xã hội.

h) Doanh nghiệp số:

- Triển khai Chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ số Việt Nam.
- Đẩy mạnh triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.
- Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát và Logistic chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các cơ sở, cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử. Triển khai Nền tảng quản trị tổng thể, Nền tảng kế toán dịch vụ, Nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng, Nền tảng thương mại số nông nghiệp, Nền tảng trí tuệ nhân tạo, Nền tảng trợ lý ảo, Nền tảng thiết bị IoT.

i) Thanh toán số:

- Triển khai Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
- Triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021 - 2025.
- Triển khai Chương trình thúc đẩy dịch vụ Mobile-Money, tập trung ưu tiên ở các vùng, miền có tỷ lệ phổ cập dịch vụ ngân hàng còn ở mức thấp. Hướng dẫn, triển khai Chương trình hỗ trợ bệnh viện, trường học thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số quản trị hoạt động của đơn vị.
- Triển khai Nền tảng hóa đơn điện tử quốc gia, kết nối, liên thông với toàn bộ các cơ quan thuế, cho phép thanh toán hóa đơn điện tử, rút ngắn thời gian thực hiện giao dịch điện tử.

2. Phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực

a) Nông nghiệp và nông thôn:

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội

số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế số nông nghiệp; triển khai các nền tảng số phục vụ nhu cầu của người nông dân.

- Triển khai Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp đóng vai trò nòng cốt và người nông dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ nông sản; kịp thời cung cấp thông tin, tư vấn, dự báo tình hình cho nông dân.

- Triển khai Nền tảng số kết nối người nông dân với chuyên gia nông nghiệp để thu thập, dân nhân dữ liệu theo hình thức đóng góp của cộng đồng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ phân tích, phát hiện sớm bệnh dịch cho cây trồng, vật nuôi để có phương án xử lý kịp thời.

- Triển khai Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản cho phép kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng của nông sản.

- Cập nhật bộ tiêu chí về nông thôn mới, tiêu chí về xóa đói giảm nghèo. Tổ chức triển khai mô hình áp chuyển đổi số, xã chuyển đổi số, trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là gắn kết phát triển thương mại điện tử với Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm.

- Tổ chức triển khai phổ cập kỹ năng số cho người nông dân theo hướng tuyên truyền, phổ biến qua phương tiện truyền thông cơ sở; qua hệ thống hội nông dân các cấp, tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân chuyển đổi số trong quá trình tổ chức sản xuất nông nghiệp và tham gia vào phát triển kinh tế số, xã hội số; tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho người nông dân thông qua các nền tảng số, đào tạo trực tuyến, liên tục phát triển kỹ năng và tri thức số cho người nông dân, ưu tiên nhóm kỹ năng về sử dụng, khai thác các sản phẩm dịch vụ điện tử, thanh toán điện tử, nhận biết, phòng ngừa lừa đảo trên mạng.

b) Y tế:

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực y tế; phổ cập dịch vụ chăm sóc sức khỏe và tư vấn khám, chữa bệnh từ xa.

- Triển khai Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa kết nối bệnh viện với bệnh viện, bệnh viện tuyến trên với bệnh viện tuyến dưới, từ trung ương tới cơ sở, giúp giảm tải các cơ sở y tế, khám, chữa bệnh kịp thời, tiết kiệm thời gian và chi phí.

- Triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng hồ sơ bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt; triển khai Nền tảng quản lý đơn thuốc điện tử quốc gia tại tất cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và tư nhân trên địa bàn tỉnh; triển khai các nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số.

- Triển khai Nền tảng quản lý xét nghiệm. Các kết quả xét nghiệm trong

hồ sơ bệnh án điện tử được công nhận lẫn nhau giữa các cơ sở khám, chữa bệnh.

- Triển khai Nền tảng quản lý tiêm chủng. Triển khai Nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở. Triển khai Nền tảng giám sát dịch bệnh để quản lý bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây nhiễm.

- Triển khai Nền tảng quản lý trạm y tế xã của tất cả các xã trên địa bàn.

- Triển khai Nền tảng hồ sơ sức khỏe cá nhân, mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khỏe cá nhân để hình thành hệ thống chăm sóc y tế số hoàn chỉnh từ khâu chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng đến điều trị. Hồ sơ sức khỏe điện tử được cập nhật thường xuyên, lưu lại thông tin về tình trạng sức khỏe người dân trong suốt cuộc đời.

- Triển khai Nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến, kết nối người dân với bác sĩ tư vấn.

- Triển khai Nền tảng số kết nối các chuyên gia trong lĩnh vực y tế để thu thập, dán nhãn dữ liệu theo hình thức đóng góp của cộng đồng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ phân tích, chẩn đoán đề xuất liệu trình phù hợp. Triển khai Nền tảng số về an toàn thực phẩm và Nền tảng số quản lý môi trường y tế.

c) Giáo dục và Đào tạo:

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Triển khai Nền tảng số dạy, học trực tuyến, kết nối, phục vụ trực tuyến toàn trình cho công tác giảng dạy - học tập - thi cử cho học sinh, sinh viên, giáo viên, từ đó, hình thành hệ sinh thái phát triển giáo dục số, bảo đảm chất lượng cho việc thi cử trực tuyến.

- Tìm kiếm và ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục vào giảng dạy.

d) Lao động, việc làm và an sinh xã hội:

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội; thúc đẩy, khuyến khích các hình thức giao dịch điện tử, chứng chỉ chứng nhận điện tử, chi trả an sinh xã hội trực tuyến hoặc trực tiếp tới đối tượng thụ hưởng, loại bỏ các khâu trung gian không cần thiết.

- Triển khai Nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội, trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, tổ chức sử dụng lao động đóng vai trò nòng cốt và người lao động, người dân tham gia tích cực trong thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phân tích, dự báo, công bố thông tin thị trường lao động và thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Hình thành Nền tảng hợp đồng lao động điện tử và thúc đẩy người lao động và tổ chức sử dụng lao động thực hiện ký kết hợp đồng lao động điện tử. Triển khai sổ lao động điện tử cho người lao động.

- Triển khai Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm đảm bảo đầy đủ thông tin

về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thông tin về y tế, an sinh, xã hội, thống nhất, dùng chung cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm cung cấp chính xác, kịp thời thông tin về bảo hiểm phục vụ công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu chính đáng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

đ) Thương mại, công nghiệp và năng lượng:

- Triển khai Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2025.

- Triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2022 và Kế hoạch khung giai đoạn 2022 - 2025.

- Triển khai Chương trình thúc đẩy thương mại điện tử tại các vùng nông thôn có tiềm năng phát triển: hạ tầng Logistics thuận lợi, có nhiều nông sản, sản phẩm thủ công, mỹ nghệ độc đáo.

- Hỗ trợ người dân đưa sản phẩm, dịch vụ của mình lên các sàn thương mại điện tử để góp phần đưa mỗi một người dân thành một doanh nhân.

- Triển khai Nền tảng thương mại điện tử thông qua chuỗi giá trị, kết nối các nhà sản xuất lớn, các nhà phân phối vừa và nhỏ, các nhà bán buôn và các kênh thương mại bán lẻ, các công ty thương mại điện tử cùng cấu thành nên chuỗi cung ứng.

- Triển khai Nền tảng sàn thương mại điện tử. Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai cơ chế điều phối hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp.

- Triển khai Nền tảng số kết nối doanh nghiệp sản xuất với các chuyên gia công nghệ và các nhà cung cấp giải pháp chuyên nghiệp để hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số.

- Triển khai chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2025.

- Theo dõi, giám sát, đôn đốc ngành điện thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực năng lượng, phát triển lưới điện thông minh.

e) Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

- Triển khai Nền tảng dữ liệu số du lịch trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp du lịch đóng vai trò nòng cốt và khách du lịch tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ hoạch định chính sách, lập kế hoạch kinh doanh, tối ưu hóa, cải thiện

chất lượng dịch vụ và đưa ra các gói ưu đãi cho khách du lịch. Cập nhật thường xuyên thông tin, dữ liệu số về khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch.

- Triển khai Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch, phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp du lịch, kết nối doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch trong nước với các nhà phân phối, đại lý du lịch trực tuyến và các sàn giao dịch du lịch trực tuyến lớn, hỗ trợ doanh nghiệp du lịch kết nối, đổi mới sáng tạo trong hoạt động kinh doanh du lịch, tạo ra các gói du lịch hấp dẫn cho từng phân khúc khách du lịch. Triển khai hệ sinh thái du lịch thông minh; ứng dụng công nghệ số để kết nối nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch; mở rộng năng lực cung cấp dịch vụ kết hợp giữa kênh thực và kênh số; sử dụng tối đa các giao dịch điện tử trong hoạt động du lịch; ứng dụng công nghệ hiện đại vào phát triển các phần mềm, tiện ích thông minh hỗ trợ công tác quản lý và phục vụ khách du lịch.

g) Tài nguyên và Môi trường:

Triển khai Chiến lược tổng thể tài nguyên số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường đến năm 2030 và định hướng đến năm 2035.

IV. GIẢI PHÁP

1. Tổ chức, bộ máy

a) Tổ chức hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh.

b) Tổ chức các Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng xã, tổ, ấp, khu phố với các tổ viên là cán bộ kiêm nhiệm và các thành viên tại chỗ năng nổ, nhiệt tình, được đào tạo về kỹ năng số để phổ biến hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số và các nền tảng số “Make in Việt Nam”.

2. Hợp tác

a) Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số.

b) Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào tỉnh.

3. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

a) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện về phát triển kinh tế số, xã hội số và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ tỉnh đến cơ sở. Triển khai các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.

c) Sản xuất các tin, bài, phóng sự, câu chuyện, phim tài liệu về kinh tế số, xã hội số trên phát thanh, truyền hình; tìm kiếm, phổ biến kinh nghiệm, câu

chuyện thành công về phát triển kinh tế số và xã hội số; mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về kinh tế số và xã hội số.

4. Đo lường, giám sát triển khai

Trong thời gian chờ Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn về điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, các chỉ tiêu kinh tế số và các mục tiêu cơ bản về kinh tế số và xã hội số đặt ra tại Kế hoạch này thì định kỳ hàng năm sẽ tạm thời sử dụng số liệu do Bộ, ngành cung cấp để công bố kết quả thống kê, các chỉ tiêu kinh tế số, đo lường về xã hội số.

5. Bảo đảm kinh phí

a) Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm: ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

b) Ưu tiên kinh phí từ ngân sách để thực hiện nhiệm vụ, giải pháp thuộc Kế hoạch này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

- Nguồn kinh phí đầu tư chi để thực hiện các nhiệm vụ, dự án: đầu tư xây dựng các hệ thống thông tin, nền tảng số, mua sắm phần cứng, phần mềm, công nghệ, trang thiết bị và xây dựng các cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số;

- Nguồn kinh phí thường xuyên chi để thực hiện chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ: nghiên cứu, xây dựng thể chế, chính sách; thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số; điều tra, khảo sát, thống kê, đo lường, đánh giá chỉ số phát triển, ảnh hưởng tác động; thuê, mua sử dụng, thúc đẩy phát triển các nền tảng số; tạo lập, cập nhật, lưu trữ và chia sẻ, sử dụng dữ liệu số; đảm bảo an toàn thông tin mạng; đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực số, kỹ năng số, công dân số, văn hóa số; hỗ trợ, tư vấn chuyển đổi số doanh nghiệp; thông tin, tuyên truyền; duy trì, vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số; các nhiệm vụ khác thuộc Kế hoạch có tính chất chi thường xuyên. Khuyến khích, ưu tiên sử dụng nguồn chi thường xuyên thuê, mua sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số, hệ thống thông tin thay vì đầu tư xây dựng.

6. Giảm thiểu các tác động tiêu cực của phát triển kinh tế số, xã hội số

a) Đánh giá tác động của phát triển kinh tế số, xã hội số ở tỉnh; trong đó, trọng tâm là đánh giá ảnh hưởng của công nghệ đối với các ngành, nghề và triển vọng việc làm để đưa ra phương án chuyển đổi phù hợp với chiến lược phát triển của tỉnh. Triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu bất bình đẳng, thu hẹp khoảng cách và giảm tác động tiêu cực của quá trình phát triển kinh tế số, xã hội số.

b) Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số. Triển khai trợ lý ảo trả lời tự động (Chatbot) để hỗ trợ người dân 24/7 mọi lúc, mọi nơi.

c) Hình thành các điểm thu gom sản phẩm công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông hư hỏng, hết hạn sử dụng, rác thải công nghệ, rác thải điện tử; đẩy mạnh áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hướng tới một môi trường xanh và bảo

vệ sức khỏe của người dân.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn, đôn đốc, các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ trì, thúc đẩy chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số; kiểm tra, giám sát, định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông tình hình thực hiện Kế hoạch.

b) Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Chủ trì, hướng dẫn triển khai các nền tảng số quốc gia được Bộ Thông tin và Truyền thông công bố và tham mưu triển khai Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân.

d) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, tổng hợp tình hình khai thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp với các sở, ngành trong công tác bố trí nguồn vốn đầu tư cho các chương trình, dự án phát triển kinh tế số và xã hội số của tỉnh.

b) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Sở Tài chính

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương để triển khai Kế hoạch.

b) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, tham mưu triển khai Nền tảng dạy, học trực tuyến.

b) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo phân công tại Phụ lục và các

nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, tham mưu triển khai Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp; Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản.

b) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

8. Sở Y tế

a) Chủ trì, tham mưu triển khai Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa; Nền tảng quản lý tiêm chủng; Nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử; Nền tảng trạm y tế xã.

b) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

9. Sở Công Thương

a) Chủ trì, tham mưu triển khai Nền tảng sàn thương mại điện tử.

b) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, tham mưu triển khai Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch; Nền tảng bảo tàng số.

b) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

11. Công an tỉnh

a) Tham mưu phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ 05 nhóm tiện ích đã xác định trong Đề án 06 của Chính phủ.

b) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

12. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh triển khai các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng không gian mạng an toàn, lành mạnh, bảo vệ an ninh quốc gia, chủ quyền quốc gia trên không gian mạng, bảo đảm quyền và lợi ích của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động kinh tế số, xã hội số.

13. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, tham mưu triển khai ứng dụng Nền tảng bản đồ số.

b) Triển khai hạ tầng số, Nền tảng dữ liệu số ngành tài nguyên và môi trường, ưu tiên xây dựng Nền tảng dữ liệu đất đai và ứng dụng bản đồ số.

14. Cục Thuế tỉnh

a) Chủ trì, tham mưu triển khai Nền tảng hóa đơn điện tử.

b) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

15. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Tiền Giang

Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

16. Bảo hiểm Xã hội tỉnh

a) Chủ trì, tham mưu triển khai Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp).

b) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

17. Đề nghị Báo Ấp Bắc; Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang

a) Chủ trì, tham mưu triển khai Nền tảng truyền hình số (trực tuyến); Nền tảng phát thanh số (trực tuyến).

b) Tuyên truyền sâu rộng các nội dung của Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

c) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại Phụ lục và các nhiệm vụ khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng nhiệm vụ được giao.

18. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Trường Đại học Tiền Giang và các trường Cao đẳng trên địa bàn tỉnh

a) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại Phụ lục và các nhiệm vụ khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng nhiệm vụ được giao.

b) Đánh giá, báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình thực hiện Kế hoạch về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông.

19. Đề nghị Tỉnh Đoàn

Phối hợp triển khai trong hệ thống tổ chức đoàn cơ sở các cấp cử đầu mối tới tận cấp xã, tham gia mạng lưới hỗ trợ triển khai chuyển đổi số do Sở Thông tin và Truyền thông điều phối; chủ động phát động các chiến dịch đoàn viên thanh niên tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số, hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ trên môi trường số.

20. Đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Phối hợp triển khai trong hệ thống tổ chức thành viên chủ động tham gia phát triển và ứng dụng công nghệ số phục vụ kinh tế số và xã hội số.

21. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh

Phát huy vai trò trong tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện Kế hoạch.

22. Khuyến khích các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh

a) Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng bưu chính đáp ứng yêu cầu bùng nổ của phát triển kinh tế số, xã hội số. Đồng thời, cùng với cơ quan nhà nước tham gia đào tạo, hướng dẫn người dân sử dụng các kỹ năng số.

b) Tiên phong chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển các nền tảng số quốc gia, nền tảng số ngành, làm chủ công nghệ lõi, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

23. Trách nhiệm của cộng đồng

Cộng đồng dân cư, tổ dân phố, hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân chủ động, tích cực nâng cao các kỹ năng ứng dụng công nghệ số, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc và cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch này, các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Diệu

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ GIAI ĐOẠN 2022 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG
(Kèm theo Kế hoạch số 394/KH-UBND ngày 19/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian
A	PHÁT TRIỂN NỀN MÓNG CHO KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ			
I	Hoàn thiện thể chế			
1	Rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật cho phù hợp với sự phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh; rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực để cụ thể hóa việc thúc đẩy giao dịch điện tử trong mọi mặt kinh tế - xã hội; xây dựng các chính sách để bảo đảm tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% tổng số hoạt động trong mỗi cơ quan, tổ chức, ngành, lĩnh vực.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã		2022 - 2025
2	Xây dựng, ban hành, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số, đặc biệt là tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ số trong từng ngành, lĩnh vực.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã		2022 - 2025
II	Phát triển hạ tầng			
1	Triển khai Chiến lược phát triển hạ tầng số.	Sở Thông tin và Truyền thông		Khi Thủ tướng ban hành và Bộ TT&TT có hướng

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian
				dẫn
2	Triển khai Chiến lược phát triển hạ tầng bưu chính.	Sở Thông tin và Truyền thông		Khi Thủ tướng ban hành và Bộ TT&TT có hướng dẫn
III	Phát triển nền tảng số			
1	Triển khai Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng số quốc gia.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã	2022 - 2025
IV	Phát triển dữ liệu số			
1	Triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia.	Sở Thông tin và Truyền thông		Khi Thủ tướng ban hành và Bộ TT&TT có hướng dẫn

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian
2	Triển khai kế hoạch phát triển dữ liệu và phát triển nhân lực dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm. Bảo đảm dữ liệu được tạo lập tuân thủ theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng khả năng chia sẻ, khai thác, sử dụng một cách dễ dàng.	Các cơ quan quản lý các lĩnh vực trọng điểm tại điểm d, khoản 1, Mục III		Khi Bộ TT&TT ban hành
V	Đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng			
1	Triển khai Chiến lược an toàn an ninh mạng quốc gia (Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030).	Sở Thông tin và Truyền thông		Khi Bộ TT&TT ban hành hướng dẫn
2	Đảm bảo yêu cầu an toàn thông tin mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số.	Sở Thông tin và Truyền thông;	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã	2022 - 2025
3	Hướng dẫn triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã	Khi Bộ TT&TT công bố nền tảng
4	Triển khai Đề án đẩy mạnh ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số quốc gia.	Công an tỉnh		2022 - 2025
5	Triển khai Nghị định về định danh và xác thực điện tử sau khi được	Công an tỉnh		Khi Bộ

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian
	ban hành.			Công an ban hành
VI	Phát triển nhân lực số			
1	Triển khai Chương trình “Học từ làm việc thực tế”.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2022 - 2025
2	Triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông.	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thành phố, thị xã	2022 - 2025
3	Triển khai mạng lưới hệ thống thư viện điện tử, các nền tảng tài nguyên giáo dục mở.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2022 - 2025
VII	Phát triển kỹ năng số, công dân số, văn hóa số			
1	Triển khai Nền tảng học trực tuyến mở về kỹ năng số.	Sở Thông tin và Truyền thông		Khi Bộ TT&TT ban hành
2	Triển khai chuẩn kỹ năng số và Khung kỹ năng số quốc gia.	Sở Thông tin và Truyền thông		Khi Bộ TT&TT ban hành
3	Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyên trách chuyển đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho sinh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã	Khi Bộ TT&TT ban hành

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian
	viên, học sinh trong các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông.			
VII I	Phát triển doanh nghiệp số			
1	Triển khai Chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ số Việt Nam.	Sở Thông tin và Truyền thông		Khi Bộ TT&TT ban hành
2	Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát và Logistic chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Công Thương; UBND các huyện, thành phố, thị xã	Khi Bộ TT&TT ban hành
IX	Phát triển thanh toán số			
1	Triển khai chiến lược tài chính của Bộ Tài chính về thúc đẩy tài chính và phát triển kinh tế số.	Sở Tài chính		Khi Bộ Tài chính ban hành
2	Triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt (Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 2006/QĐ-NHNN ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025).	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Tiền Giang		2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian
3	Triển khai Chương trình thúc đẩy dịch vụ Mobile-Money.	Sở Thông tin và Truyền thông		Khi Bộ TT&TT ban hành
4	Triển khai Nền tảng hóa đơn điện tử quốc gia.	Cục Thuế tỉnh		Khi Bộ Tài chính ban hành
B	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC			
I	Phát triển kinh tế số, xã hội số Nông nghiệp và nông thôn			
1	Triển khai Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp; Nền tảng số kết nối người nông dân với chuyên gia nông nghiệp; Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Khi Bộ NN&PT NT ban hành
2	Cập nhật bộ tiêu chí về nông thôn mới, tiêu chí về xóa đói giảm nghèo có các tiêu chí về phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Tổ chức triển khai mô hình áp chuyển đổi số, xã chuyển đổi số.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Khi Bộ NN&PT NT ban hành
3	Tổ chức triển khai sáng kiến phổ cập kỹ năng số cho người nông dân.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Khi Bộ NN&PT NT ban hành
II	Phát triển kinh tế số, xã hội số trong Y tế			
1	Triển khai Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa.	Sở Y tế		Khi Bộ Y tế ban hành

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian
2	Triển khai hồ sơ bệnh án điện tử.	Sở Y tế		Khi Bộ Y tế ban hành
3	Triển khai Nền tảng quản lý xét nghiệm thống nhất trên toàn quốc.	Sở Y tế		Khi Bộ Y tế ban hành
4	Triển khai Nền tảng quản lý tiêm chủng thống nhất trên toàn quốc.	Sở Y tế		Khi Bộ Y tế ban hành
5	Triển khai Nền tảng quản lý trạm y tế xã của tất cả các xã trên toàn quốc.	Sở Y tế		Khi Bộ Y tế ban hành
6	Triển khai Nền tảng hồ sơ sức khỏe cá nhân.	Sở Y tế		Khi Bộ Y tế ban hành
7	Triển khai Nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến.	Sở Y tế		Khi Bộ Y tế ban hành
8	Triển khai Nền tảng số kết nối các chuyên gia trong lĩnh vực y tế. Triển khai Nền tảng số an toàn thực phẩm và Nền tảng số quản lý môi trường y tế.	Sở Y tế		Khi Bộ Y tế ban hành
III	Phát triển kinh tế số, xã hội số trong Giáo dục và Đào tạo			
1	Triển khai Nền tảng số dạy, học trực tuyến, kết nối, phục vụ trực tuyến toàn trình cho công tác giảng dạy - học tập - thi cử.	Sở Giáo dục và Đào tạo		Khi Bộ GD&ĐT

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian
				ban hành
2	Tìm kiếm và thúc đẩy ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục (Edtech).	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông	2022 - 2025
IV	Phát triển kinh tế số, xã hội số trong lĩnh vực Lao động, việc làm và an sinh xã hội			
1	Triển khai Nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội. Hình thành nền tảng hợp đồng lao động điện tử và thúc đẩy người lao động và tổ chức sử dụng lao động thực hiện ký kết hợp đồng lao động điện tử. Triển khai sổ lao động điện tử cho người lao động.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		Khi Bộ LĐT&XH ban hành
2	Triển khai, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm. Kết nối, cung cấp dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm lên Cổng dữ liệu quốc gia phục vụ cơ quan, tổ chức và cá nhân khai thác thông tin theo quy định. Rà soát các quy định, thủ tục trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế để đơn giản hóa giấy tờ cá nhân trên cơ sở sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.	Bảo hiểm Xã hội tỉnh		2022 - 2025
V	Phát triển kinh tế số thương mại, công nghiệp và năng lượng			
	Thương mại			
1	Triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2022 và Kế hoạch khung giai đoạn 2022 - 2025.	Sở Công Thương		2022 - 2025
2	Triển khai Chương trình thúc đẩy thương mại điện tử tại các vùng nông thôn có tiềm năng phát triển dựa trên các nền tảng thương mại số của	Sở Công Thương		Khi Bộ Công

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian
	Việt Nam.			Thương ban hành
3	Hỗ trợ người dân đưa sản phẩm, dịch vụ của mình lên các sàn thương mại điện tử để mỗi một người dân là một doanh nhân.	Sở Công Thương	Sở Thông tin và Truyền thông	Khi Bộ Công Thương ban hành
4	Triển khai nền tảng thương mại điện tử thông qua chuỗi giá trị.	Sở Công Thương		Khi Bộ Công Thương ban hành
5	Triển khai Nền tảng sàn thương mại điện tử. Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.	Sở Công Thương		Khi Bộ Công Thương ban hành
	Công nghiệp và năng lượng			
1	Triển khai Nền tảng số kết nối doanh nghiệp sản xuất với các chuyên gia công nghệ và các nhà cung cấp giải pháp chuyên nghiệp.	Sở Công Thương	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	Khi Bộ Công Thương ban hành
2	Triển khai Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021-2025.	Sở Công Thương		Khi Bộ Công Thương ban hành
VI	Phát triển kinh tế số Văn hóa, Thể thao và Du lịch			

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian
1	Triển khai Nền tảng dữ liệu số du lịch.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Khi Bộ VHTT&DL ban hành
2	Triển khai Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Khi Bộ VHTT&DL ban hành
3	Triển khai Nền tảng mô hình hóa đa chiều phục vụ phát triển bảo tàng số, du lịch số.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Khi Bộ VHTT&DL ban hành
VII	Phát triển kinh tế số Tài nguyên và Môi trường			
1	Triển khai Chiến lược tổng thể tài nguyên số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường đến năm 2030 và định hướng đến năm 2035.	Sở Tài nguyên và Môi trường		Khi Bộ TN&MT ban hành
C	CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ			
I	Tổ chức, bộ máy, mạng lưới			
1	Kiến toàn và tổ chức hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh do người đứng đầu làm Trưởng ban, cơ quan thường trực là đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin/chuyển đổi số (Sở Thông tin và Truyền thông).	Sở Thông tin và Truyền thông		2022 - 2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian
2	Tổ chức các Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng ấp, tổ, khu phố.	UBND các huyện, thành phố, thị xã		2022 - 2025
II	Hợp tác về phát triển kinh tế số, xã hội số			
1	Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã		2022 - 2025
2	Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào tỉnh.	Các sở, ban, ngành		2022 - 2025
III	Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về kinh tế số và xã hội số			
1	Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện về phát triển kinh tế số, xã hội số và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2022 - 2025
2	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ tỉnh đến cơ sở. Triển khai các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2022 - 2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian
3	Sản xuất các tin, bài, phóng sự, câu chuyện, phim tài liệu về kinh tế số, xã hội số trên phát thanh, truyền hình; tìm kiếm, phổ biến kinh nghiệm, câu chuyện thành công về phát triển kinh tế số và xã hội số; mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về kinh tế số và xã hội số trên báo đài.	Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang, Báo Ấp Bắc		2022 - 2025
IV	Đo lường, giám sát triển khai			
1	Ban hành bộ tiêu chí đo lường về xã hội số và định kỳ hàng năm thực hiện điều tra, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường về xã hội số ở cấp độ quốc gia và cấp độ địa phương.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	Trong khi chờ Bộ, ngành ban hành về cách thức đo lường thì tạm thời sử dụng số liệu công bố hàng năm của Bộ, ngành để đánh giá cho tỉnh
V	Bảo đảm kinh phí cho phát triển kinh tế số và xã hội số			

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian
1	Cân đối nguồn ngân sách địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch đối với những nội dung bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước.	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã	2022 - 2025
2	Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số, phát triển kinh tế số và xã hội số ngành và lĩnh vực và các nhiệm vụ, giải pháp thuộc Kế hoạch này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2022 - 2025
3	Tham mưu cấp có thẩm quyền phân bổ ngân sách từ nguồn chi thường xuyên để các cơ quan, tổ chức thuê, mua sử dụng các nền tảng số.	Sở Tài chính		2022 - 2025
VI	Giảm thiểu các tác động tiêu cực của công nghệ số			
1	Đánh giá tác động của phát triển kinh tế số, xã hội số ở tỉnh và đề xuất các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số. Triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu bất bình đẳng, thu hẹp khoảng cách và giảm tác động tiêu cực của quá trình phát triển kinh tế số, xã hội số.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND các huyện, thành phố, thị xã	2022 - 2025
2	Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND các huyện, thành phố, thị xã	2022 - 2025
3	Hình thành các điểm thu gom sản phẩm công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông hư hỏng, hết hạn sử dụng, rác thải công nghệ, rác thải điện tử.	UBND các huyện, thành phố, thị xã		2022 - 2025

PHỤ LỤC 2
PHÂN CÔNG THEO DÕI, ĐƠN ĐỐC CÁC CHỈ TIÊU ĐẾN NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số 394/KH-UBND ngày 19/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	NỘI DUNG CHỈ TIÊU	CHỦ TRÌ	PHỐI HỢP
I	Phát triển kinh tế số		
1	Tỷ trọng kinh tế số đạt 15% GDP.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành
2	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành
3	Năng suất lao động hằng năm tăng 7%.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành
4	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%.	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Thông tin và Truyền thông; các cơ quan liên quan
5	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.	Sở Công thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành; doanh nghiệp
II	Phát triển xã hội số		
1	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; doanh nghiệp
2	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Tiền Giang	Các sở, ban, ngành
3	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã
4	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động	Ủy ban nhân dân các	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành

TT	NỘI DUNG CHỈ TIÊU	CHỦ TRÌ	PHỐI HỢP
	được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%.	huyện, thành phố, thị xã	
5	Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng thông rộng cáp quang đạt 80%.	Sở Thông tin và Truyền thông	Doanh nghiệp
6	Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%.	Sở Thông tin và Truyền thông	Doanh nghiệp
7	Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%.	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã
8	Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%.	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành liên quan
9	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%.	Sở Y tế	Doanh nghiệp
10	Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng thông rộng cáp quang đạt 80%.	Sở Thông tin và Truyền thông	Doanh nghiệp
11	Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đến năm 2025 phần đầu đạt 80%.	Đại học Tiền Giang và các trường Cao đẳng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở, ban, ngành